

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

Số: 6622/QĐ-BCT

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2011

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình triển khai**

**Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2011 - 2015**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 44/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các Hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Quyết định số 3151/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Công văn số 271/TCTK-PPCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2011 về việc góp ý Đề cương Chương trình triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các Hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Căn cứ Công văn số 15768/BTC-HCSN ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc kinh phí Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao cho Vụ Kế hoạch chủ trì và phối hợp với các Vụ/Tổng cục, Cục thuộc Bộ thực hiện Chương trình triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các Hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2011 - 2015 (Chi tiết tại Phụ lục 1).

**Điều 2.** Phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Chương trình triển khai Đề án đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê với tổng kinh phí thực hiện là 15.549.187.000 đồng (*Mười lăm tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn*) (Chi tiết tại Phụ lục 2).

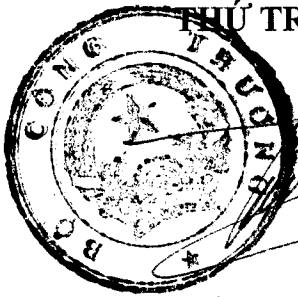
**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và các Vụ/Tổng cục, Cục liên quan có nhiệm vụ tổ chức thực hiện Chương trình triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các Hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2011 - 2015 theo các quy định hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Thủ trưởng các Vụ/Tổng cục, Cục có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Bộ KH&ĐT-Tổng cục Thống kê;
- Bộ Tài chính;
- Các Vụ, Tổng cục, Cục thuộc Bộ.
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỦ TRƯỞNG**



**Trần Tuấn Anh**

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI ĐỒNG BỘ**  
**CÁC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THÔNG KÊ**  
*(Theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 3 năm 2010*  
*của Thủ tướng Chính phủ)*

**Hà Nội, năm 2011**

- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

- Quyết định số 3151/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

- Công văn số 3307/BKH-TCTK ngày 20 tháng 5 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Hình thành hệ thống thông tin thống kê ngành công thương thống nhất, thông suốt và hiệu quả; đáp ứng đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin thống kê, làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá tình hình ngành công thương phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước trong quá trình chỉ đạo, điều hành và công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành công thương.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng và áp dụng Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Hình thành hệ thống thông tin thống kê công nghiệp và thương mại thống nhất, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế.

- Hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin đầu vào.

- Đổi mới và hoàn thiện công tác chuyên môn nghiệp vụ thống kê.

- Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê.

- Tăng cường phát triển bộ máy tổ chức thống kê Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa Bộ Công Thương với Tổng cục Thống kê, giữa Bộ Công Thương với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và giữa Bộ Công Thương với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê.

## **III. YÊU CẦU**

- Số liệu thống kê đảm bảo cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời những thông tin cần thiết phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, quản lý của Bộ Công Thương và của các cơ quan quản lý Nhà nước; là căn cứ cho việc



hoạch định và xây dựng chiến lược phát triển ngành công thương trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

- Bảo đảm tính độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.
- Thống nhất về chỉ tiêu, biểu mẫu, phương pháp tính, bảng phân loại, đơn vị đo lường, niên độ thống kê và bảo đảm tính so sánh quốc tế.
- Không trùng lặp, chồng chéo giữa các cuộc điều tra thống kê; các chế độ báo cáo thống kê.

#### **IV. SẢN PHẨM CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

1. Báo cáo hiện trạng công tác thống kê của Bộ Công Thương.
2. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.
3. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.
4. Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
5. Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác thống kê (Hệ thống phần mềm thống kê, máy chủ, đường truyền kết nối, cơ sở dữ liệu thống kê).
6. Biên bản ghi nhớ về cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa Bộ Công Thương với Tổng cục Thống kê.
7. Kết quả điều tra năm gốc các chỉ tiêu thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương và kết quả các cuộc điều tra theo ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước.

#### **V. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

##### **1. Đánh giá thực trạng công tác thống kê Bộ Công Thương**

Đánh giá thực trạng công tác thống kê, tình hình thực hiện Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực thống kê, tình hình thực hiện các chỉ tiêu thống kê quốc gia và chỉ tiêu thống kê của doanh nghiệp tại các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

##### **2. Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại**

Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại trên cơ sở hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và hệ thống chỉ tiêu thống kê của doanh nghiệp. Hệ thống này phải đồng bộ với Hệ thống các chỉ tiêu thống kê quốc gia và phản ánh được chất lượng, hiệu quả của sự phát triển

trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế.

### **3. Xây dựng Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại**

Trên cơ sở Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành xây dựng Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại theo đúng chuẩn mực thống kê, đồng thời, phù hợp với tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế để thống nhất áp dụng, bảo đảm tính so sánh của số liệu thống kê theo thời gian và không gian.

### **4. Xây dựng Chế độ báo cáo thống kê định kỳ**

Trên cơ sở Chế độ báo cáo thống kê cơ sở và Chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, xây dựng và hoàn thiện Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

### **5. Xây dựng các Chương trình điều tra thống kê**

Xây dựng và triển khai Chương trình điều tra thống kê quốc gia được phân công và các Chương trình điều tra thống kê theo ngành, lĩnh vực.

### **6. Đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê**

- Củng cố và tăng cường bộ máy tổ chức thống kê Bộ Công Thương.
- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.
- Tập trung đổi mới và hoàn thiện công tác chuyên môn nghiệp vụ thống kê công nghiệp và thương mại.
- Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa thống kê Bộ Công Thương và Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **7. Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào công tác thống kê**

- Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào công tác thống kê từ doanh nghiệp và Sở Công Thương tới Bộ Công Thương.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê tổng hợp của Bộ Công Thương và cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại các giai đoạn.

### **8. Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại và các Chế độ báo cáo thống kê định kỳ**

Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại, Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **9. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê**

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê công nghiệp và thương mại với các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm tiếp cận nhanh chóng công nghệ tiên tiến và chuẩn mực thống kê công nghiệp và thương mại quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ sự giúp đỡ về kỹ thuật và tài chính; đẩy mạnh trao đổi khai thác thông tin thống kê quốc tế phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu và điều hành trong nước, đồng thời, đảm bảo cung cấp thông tin thống kê công nghiệp và thương mại của Việt Nam cho thống kê quốc tế.

## **10. Xây dựng kinh phí thực hiện Chương trình**

Kinh phí thực hiện Chương trình từ năm 2010 đến năm 2015.

Xây dựng dự toán kinh phí Chương trình, dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ được phân công, dự toán kinh phí cuộc điều tra thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương và các dự toán kinh phí các cuộc điều tra theo ngành, lĩnh vực.

*(Nội dung chi tiết Chương trình xem Phụ lục 1)*

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Vụ Kế hoạch**

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện các công việc chủ yếu sau đây:

- Tổ chức đánh giá thực trạng công tác thống kê và lập báo cáo đánh giá hiện trạng công tác thống kê Bộ Công Thương.
- Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.
- Xây dựng Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.
- Xây dựng Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
- Xây dựng Biên bản ghi nhớ về cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa Bộ Công Thương với Tổng cục Thống kê.
- Xây dựng các Chương trình điều tra thống kê thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.
- Đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê Bộ Công Thương.
- Tổ chức công bố và triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết toàn bộ quá trình triển khai Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê hàng năm và cuối giai đoạn 2010 - 2015.

## **2. Các Vụ/Cục thuộc Bộ**

- Phối hợp xây dựng, bổ sung và hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Phối hợp xây dựng bổ sung và hoàn thiện Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Phối hợp xây dựng Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phối hợp/chủ trì xây dựng các Chương trình điều tra thống kê.

- Phối hợp tổ chức công bố và triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **3. Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ**

- Phối hợp đánh giá thực trạng công tác thống kê.

- Phối hợp hoàn thiện Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ.

- Phối hợp triển khai các Chương trình điều tra thống kê.

- Phối hợp triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ.

## **4. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

- Phối hợp đánh giá thực trạng công tác thống kê.

- Phối hợp hoàn thiện Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phối hợp triển khai các Chương trình điều tra thống kê.

- Phối hợp triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	NỘI DUNG	THỜI GIAN HOÀN THÀNH
1	Báo cáo hiện trạng công tác thống kê của Bộ Công Thương	2011
2	Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại	2011
3	Xây dựng Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại	2012
4	Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ; Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	2012
5	Biên bản ghi nhớ về cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa Bộ Công Thương với Tổng cục Thống kê	2012
6	Tổ chức công bố và triển khai thực hiện: Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại; Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ; Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2012
7	Kết quả điều tra chỉ tiêu thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; Kết quả các cuộc điều tra theo ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước	2012
8	Tổ chức đào tạo và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; Tập trung đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê	2012
9	Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê	2012
10	Hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác thống kê	2015
11	Sơ kết, tổng kết thực hiện Chương trình	Tháng 12 hàng năm

**Phần thứ hai**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Thời gian thực hiện:** từ năm 2011 đến 2015

**2. Nguồn vốn:** từ Ngân sách Nhà nước

**3. Nội dung:** gồm 10 chuyên đề

TT	Chuyên đề	Kinh phí (1.000 VND)	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại	3 705 148	Vụ Kế hoạch	2011 - 2012
2	Chương trình điều tra thống kê quốc gia "năng lực hiện có và năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp"	3 110 481	Vụ Kế hoạch	2013
3	Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê	2 409 838	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2011 - 2015
4	Điều tra, khảo sát các loại hình kinh doanh thương mại	1 150 000	Vụ Thị trường trong nước	2012
5	Điều tra các loại hình và cấp độ chợ	540 080	Vụ Thị trường trong nước	2014
6	Điều tra doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	1 459 000	Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin	2012
7	Điều tra các chỉ tiêu về công tác quản lý thị trường	589 200	Cục Quản lý Thị trường	2013
8	Điều tra các chỉ tiêu về tài nguyên môi trường và phát triển bền vững ngành công thương	626 600	Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường Công nghiệp	2012
9	Điều tra khảo sát thực trạng đối tượng chính sách khuyến công	1 880 000	Cục Công nghiệp địa phương	2012
10	Tổng kết toàn bộ Chương trình	78 840	Vụ Kế hoạch	2015
<b>TỔNG CỘNG (1+...+10)</b>		<b>15 549 187</b>		

*(Chi tiết dự toán kinh phí thực hiện Chương trình xem Phụ lục 2)*

## **Phụ lục 1**

# **NỘI DUNG CHI TIẾT CHƯƠNG TRÌNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI ĐỒNG BỘ CÁC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ**

## **NHIỆM VỤ I**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC THỐNG KÊ BỘ CÔNG THƯƠNG**

Công tác thống kê tại Bộ Công nghiệp và Bộ Thương mại trước đây cũng như Bộ Công Thương hiện nay đã được thực hiện một cách nghiêm túc theo đúng những quy định của Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Các báo cáo thống kê đã cung cấp thông tin thống kê trung thực, khách quan, chính xác, đầy đủ, kịp thời, phục vụ cho công tác điều hành, quản lý của Bộ và của cơ quan nhà nước và đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu mới của lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý đất nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì công tác thống kê của Bộ còn nhiều bất cập, chưa có hệ thống chỉ tiêu của ngành công nghiệp và thương mại, nhiều chỉ tiêu thống kê chưa đáp ứng được tính so sánh quốc tế trong bối cảnh đất nước đã hội nhập kinh tế quốc tế.

### **I. HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

#### **1. Các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia**

Hiện nay, một số chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại đã được chú ý phản ánh đầy đủ. Tuy nhiên, thông tin thống kê chỉ có được từ báo cáo tổng hợp của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ về các chỉ tiêu thống kê mang tính chuyên ngành.

Đối với việc thu thập và tổng hợp các chỉ tiêu thống kê từ các Sở Công Thương, định kỳ, Cục Công nghiệp địa phương là đơn vị đầu mối tổng hợp, đồng thời, phối hợp với Vụ Kế hoạch phân tích đáp ứng yêu cầu cụ thể của Chính phủ, của Lãnh đạo Bộ, của các Bộ, ngành khác và của địa phương.

#### **2. Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại**

Hiện nay, Bộ Công Thương chưa xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê hoàn chỉnh mà chỉ sử dụng trên cơ sở Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia nhưng cụ thể hơn tại một số ngành công nghiệp chủ yếu và ngành thương mại.

#### **3. Đánh giá hiện trạng**

Trước đây, Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia theo Quyết định 305/2005/QĐ-TTg sử dụng trong một thời gian dài đã không còn phù hợp và bộc lộ những hạn chế, bất cập nhất định. Phần lớn là các chỉ tiêu hiện vật, ít

chỉ tiêu chất lượng, hiệu quả, thiếu các chỉ tiêu về môi trường, xã hội. Yêu cầu mới của lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý đất nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều khái niệm mới, nội dung mới như: tăng trưởng kinh tế bền vững, chất lượng tăng trưởng, hiệu quả kinh tế, sức cạnh tranh,...; các chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và sự điều chỉnh cơ cấu đầu tư,...; các vấn đề về điều chỉnh các quan hệ sản xuất theo chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần; thực hiện các chương trình mục tiêu;... đặc biệt còn thiếu các chỉ tiêu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và từng ngành nói riêng. Nhiều chỉ tiêu thống kê chưa đáp ứng được tính so sánh quốc tế trong bối cảnh đất nước đã hội nhập kinh tế quốc tế.

## **II. HIỆN TRẠNG CÔNG TÁC THỐNG KÊ BỘ CÔNG THƯƠNG**

### **1. Công tác tổ chức bộ máy và nhân lực thống kê**

- Tổ chức bộ máy thống kê Bộ Công Thương :

+ Tổ chức Phòng thống kê Bộ

+ Tổ chức thống kê ở các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ

+ Tổ chức thống kê ở Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

### **2. Công tác chuyên môn nghiệp vụ thống kê**

- Chấp hành Chế độ báo cáo thống kê

Công tác thống kê hiện nay ở Bộ Công Thương đã tập trung về một đầu mối do Phòng Thống kê Bộ đảm nhận. Tuy nhiên, theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khoá IX về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thì việc thu thập, xử lý, tổng hợp thông tin đối với các loại hình doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, nhất là số liệu về tài chính.

- Thu thập, tổng hợp và phân tích thông tin thống kê

Trên cơ sở báo cáo của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty và của Sở Công Thương các tỉnh, thành phố gửi về, Phòng Thống kê Vụ Kế hoạch xử lý, tổng hợp và phân tích thông tin theo yêu cầu cụ thể, phục vụ báo cáo Chính phủ và phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Lãnh đạo Bộ và của các Bộ, ngành khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê

Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin ở các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty, các Sở Công Thương và Bộ Công Thương tuy đã được tăng cường nhưng việc kết nối đường truyền dữ liệu thống kê chưa có, truy cập mạng giữa Bộ với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty, các Sở Công Thương chưa được thường xuyên.

- Hệ thống sản phẩm thông tin thống kê:



Sản phẩm thông tin thống kê của Bộ đã được sử dụng rất hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước và điều hành của Lãnh đạo Bộ, đồng thời, được công khai phổ biến, đáp ứng mọi nhu cầu khai thác thông tin của các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước trên website của Bộ Công Thương, bao gồm:

- + Niêm giám Thống kê ngành Công nghiệp giai đoạn 1996 - 2000.
- + Niêm giám Thống kê ngành Công nghiệp giai đoạn 2001 - 2005.
- + Báo cáo tình hình hoạt động ngành Công nghiệp và Thương mại hàng tháng, quý, năm.
- + Báo cáo phục vụ yêu cầu của các kỳ họp Quốc hội, Trung ương Đảng, Chính phủ và yêu cầu quản lý, điều hành của Lãnh đạo Bộ, các Bộ, ngành khác.

### **3. Đánh giá chung**

- Những mặt đã làm được

Công tác thống kê tại các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và tại các Sở Công Thương:

- + Việc thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin
- + Chất lượng thông tin
- + Chế độ báo cáo
- + Thời hạn báo cáo
- + Công tác dự báo
- Một số hạn chế, tồn tại và nguyên nhân
- + Tình hình chấp hành Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật ở một số đơn vị chưa thực sự nghiêm túc.
- + Tình hình thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa được thực hiện đầy đủ.
- + Vai trò công tác thống kê chưa được coi trọng đúng mức.
- + Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê còn hạn chế.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THỐNG KÊ**

Đứng trước thực trạng trên, yêu cầu đặt ra đối với công tác thống kê của Bộ Công Thương trong giai đoạn từ nay đến năm 2015 ngoài việc thực hiện triển khai Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, cần phải xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại, đồng thời, nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện Chế độ báo cáo thống kê, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, .... để nâng cao chất lượng công tác thống kê.

### **1. Phương hướng hoàn thiện**

- Triển khai Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
- Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại
- Hoàn thiện Chế độ báo cáo thống kê Bộ Công Thương
- Hoàn thiện tổ chức bộ máy thống kê

## **2. Các giải pháp thực hiện**

- Tổ chức đánh giá thực trạng công tác thống kê.
- Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.
- Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện Chế độ báo cáo thống kê định kỳ.
- Tập trung đổi mới và hoàn thiện công tác chuyên môn nghiệp vụ thống kê công nghiệp và thương mại.
- Củng cố và tăng cường bộ máy tổ chức thống kê.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thống kê.
- Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa thống kê Bộ Công Thương và Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê công nghiệp và thương mại với các nước trong khu vực và trên thế giới.

## **3. Kiến nghị**

- Đối với Chính phủ
- Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

**NHIỆM VỤ II**  
**XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ**  
**NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**I. SỰ CẦN THIẾT**

**1. Sự cần thiết**

Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại là một đòi hỏi bức thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của Lãnh đạo Bộ, của các cơ quan quản lý Nhà nước và của người sử dụng thông tin. Các chỉ tiêu thống kê phải được xây dựng phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội và đường lối, chính sách đổi mới, hội nhập của Đảng và Nhà nước, đáp ứng được yêu cầu thông tin để xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch 5 năm, hàng năm của ngành công nghiệp và thương mại, đồng thời, đảm bảo tính so sánh với hệ thống chỉ tiêu thống kê của các nước trong khu vực và thế giới.

**2. Mục tiêu**

Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại nhằm khắc phục những tồn tại hiện nay và đáp ứng các mục tiêu sau:

- Phải đặt trong tổng thể các hoạt động thống kê nhằm phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và của Bộ Công Thương, đồng thời phải có tính khả thi, phù hợp với tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phải được xây dựng phù hợp với Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam thời kỳ 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2025; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2025 và Chiến lược phát triển ngành công nghiệp và thương mại giai đoạn 2011- 2020, định hướng đến năm 2025 (đang Dự thảo).

- Phải được xây dựng đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, đồng thời đáp ứng được yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước, nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

**3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

#### **4. Nguyên tắc xây dựng**

- Phản ánh chính xác tình hình phát triển ngành công nghiệp và thương mại trong xu hướng phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, đảm bảo tính khả thi trong quá trình thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích các chỉ tiêu thống kê.

- Đồng bộ và cụ thể hoá Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đáp ứng kịp thời, đầy đủ những thông tin thống kê cần thiết phục vụ cho công tác điều hành, quản lý của Bộ và các cơ quan quản lý Nhà nước, đồng thời, đáp ứng nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Những quy định chung**

- Là công cụ để đánh giá, dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển dài hạn, ngắn hạn, đáp ứng yêu cầu quản lý của Bộ Công Thương.

- Là căn cứ để xây dựng Chế độ Báo cáo Thống kê của Bộ Công Thương.

- Việc phân tổ của chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại phải bảo đảm phù hợp với những quy định trong các bảng phân loại thống kê do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Kỳ công bố: tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm,....

- Việc công bố thông tin thống kê thực hiện theo quy định của Luật Thống kê, Nghị định số 40/2004/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

### **2. Nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại**

Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại được sắp xếp:

- Theo trình tự và mã số gốc của Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Theo ngành công nghiệp: công nghiệp, công nghiệp địa phương, an toàn và môi trường công nghiệp.

- Theo ngành thương mại: thương mại và dịch vụ trong nước, xuất nhập khẩu, giá và biến động giá, chỉ số giá thương mại, thương mại điện tử, quản lý thị trường.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Hoàn thiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm triển khai thực hiện.

## **NHIỆM VỤ III**

### **XÂY DỰNG HỆ THỐNG KHÁI NIỆM, NỘI DUNG, PHẠM VI, PHƯƠNG PHÁP TÍNH, NGUỒN SỐ LIỆU CÁC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Xây dựng Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại là cơ sở cho việc xây dựng chế độ báo cáo và hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo đó một cách thống nhất, đầy đủ, chính xác cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

##### **2. Mục tiêu**

- Phải đặt trong tổng thể các hoạt động thống kê nhằm phục vụ có hiệu quả sự chỉ đạo, điều hành của Đảng, Nhà nước và của Bộ Công Thương, đồng thời phải có tính khả thi, phù hợp với tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Là căn cứ để xây dựng Chế độ Báo cáo Thống kê của Bộ Công Thương.

- Việc phân tổ của chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại phải bảo đảm phù hợp với những quy định chung trong Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia, đồng thời, đảm bảo tính khả thi trong thu thập, tổng hợp thông tin thống kê.

##### **3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

- Thông tư số .... /TT-BKH ngày ... về việc ban hành Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

#### **4. Nguyên tắc xây dựng**

- Phải xây dựng đồng bộ, cụ thể hoá Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia.

- Đảm bảo tính khả thi trong quá trình thu thập, tổng hợp, xử lý và phân tích các chỉ tiêu thống kê.

### **II. NỘI DUNG**

- Trên cơ sở Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê quốc gia tiến hành xây dựng Hệ thống khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại theo đúng chuẩn mực thống kê, đồng thời, phù hợp với tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế để thống nhất áp dụng, bảo đảm tính so sánh của số liệu thống kê theo thời gian và không gian.

- Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại được sắp xếp trên cơ sở của sự sắp xếp Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại:

+ Theo trình tự và mã số gốc của Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

+ Theo ngành công nghiệp: công nghiệp, công nghiệp địa phương, an toàn và môi trường công nghiệp.

+ Theo ngành thương mại: thương mại và dịch vụ trong nước, xuất nhập khẩu, giá và biến động giá, chỉ số giá thương mại, thương mại điện tử, quản lý thị trường.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Hoàn thiện Hệ thống giải thích khái niệm, phạm vi, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm triển khai thực hiện.

## **NHIỆM VỤ IV**

### **XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THỐNG KÊ ĐỊNH KỲ CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Trong những năm qua công tác thống kê của Bộ Công Thương đã chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước quy định. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập hai Bộ, Bộ Công Thương cần thiết phải xây dựng và ban hành Chế độ báo cáo Thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền đã được quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật Thống kê nhằm nâng cao hiệu quả công tác thống kê, bảo đảm thông tin thống kê đầy đủ, kịp thời, có độ tin cậy cao phục vụ công tác quản lý điều hành của Bộ Công Thương.

##### **2. Mục tiêu**

Xây dựng Chế độ báo cáo Thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải đáp ứng các mục tiêu sau:

- Phải được xây dựng phù hợp với Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Phải đáp ứng được các yêu cầu về số liệu thống kê của các cơ quan quản lý Nhà nước, nhu cầu thông tin thống kê của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

##### **3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;

- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

- Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;



- Quyết định số ..... của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại;

- Quyết định số 77/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2010 ban hành Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Thông tư số ..... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp và dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

#### **4. Nguyên tắc xây dựng**

- Đồng bộ với Chế độ báo cáo thống kê cơ sở áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài về chỉ tiêu, nội dung, kỳ báo cáo.

- Đáp ứng được yêu cầu của chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực.

- Không trùng lặp về đối tượng áp dụng, nội dung, kỳ báo cáo giữa các chế độ báo cáo và điều tra thống kê đối với doanh nghiệp.

- Bảo đảm tính khả thi: phù hợp với khả năng thu thập, tổng hợp của doanh nghiệp.

## **II. NỘI DUNG**

Nội dung Chế độ báo cáo Thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm:

### **1. Kỳ báo cáo**

- Báo cáo tháng
- Báo cáo quý
- Báo cáo 6 tháng
- Báo cáo ước thực hiện năm
- Báo cáo chính thức năm

### **2. Thời hạn nhận báo cáo**

- Báo cáo tháng: ngày 12 hàng tháng
- Báo cáo quý: ngày 5 tháng cuối quý sau quý báo cáo
- Báo cáo 6 tháng: ngày 20 tháng 7
- Báo cáo ước thực hiện năm: ngày 15 tháng 12
- Báo cáo chính thức năm: ngày 31 tháng 3 năm sau

### **3. Đơn vị báo cáo**

- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ

- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

#### **4. Đơn vị nhận báo cáo**

- Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ

- Bộ Công Thương

#### **5. Biểu mẫu báo cáo**

#### **6. Giải thích biểu mẫu báo cáo**

### **III. TỜ CHỨC THỰC HIỆN**

- Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời những thông tin theo biểu mẫu đã ban hành.

- Các Vụ, Cục có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **NHIỆM VỤ V**

### **XÂY DỰNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu quản lý, điều hành kịp thời của Chính phủ, các cơ quan quản lý cần phải có hệ thống số liệu thống kê đầy đủ, toàn diện, phản ánh số lượng và chất lượng của các ngành. Thực hiện Quyết định số 111/2008/QĐ-TTg ngày 15 tháng 08 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chế độ báo cáo thống kê đối với các Bộ, ngành và Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Bộ Công Thương xây dựng chương trình điều tra chỉ tiêu thống kê thuộc trách nhiệm của Bộ và các chương trình điều tra thống kê theo ngành, lĩnh vực để thu thập số liệu ban đầu (gốc) làm cơ sở cho các kỳ so sánh số liệu sau này.

##### **2. Nguyên tắc**

- Thu thập được số liệu thống kê chính xác về chỉ tiêu thống kê yêu cầu.
- Làm cơ sở ban đầu cho việc xây dựng chế độ báo cáo thống kê định kỳ cho chỉ tiêu thống kê định kỳ.

##### **3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;
- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;
- Quyết định số 43/2010/QĐ-TTg ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;
- Quyết định số        /QĐ-BCT ngày        tháng        năm        của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Chương trình điều tra thống kê quốc gia thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương**

- Điều tra năng lực hiện có và năng lực tăng mới của sản phẩm công nghiệp.

- Điều tra doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử.

### **2. Chương trình điều tra thống kê theo ngành, lĩnh vực**

- Điều tra, khảo sát các loại hình kinh doanh thương mại.

- Điều tra các loại hình và cấp độ chợ.

- Điều tra các chỉ tiêu về công tác quản lý thị trường.

- Điều tra các chỉ tiêu về tài nguyên môi trường và phát triển bền vững ngành công thương.

- Điều tra khảo sát thực trạng đối tượng chính sách khuyến công.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều tra năng lực hiện có và năng lực tăng mới của sản phẩm công nghiệp.

- Các Vụ/Cục thuộc Bộ phối hợp với Vụ Kế hoạch và các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện điều tra theo phân công chủ trì các cuộc điều tra.

## **NHIỆM VỤ VI**

### **ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN CÔNG TÁC THỐNG KÊ**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Trong những năm qua công tác thống kê của Bộ Công Thương đã chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các chế độ báo cáo thống kê của Nhà nước quy định. Tuy nhiên, Tình hình chấp hành Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật ở một số đơn vị chưa thực sự nghiêm túc; việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia chưa được thực hiện đầy đủ; vai trò công tác thống kê tại một số đơn vị thuộc Bộ chưa được coi trọng đúng mức; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê còn hạn chế;... Vì vậy, sau khi hợp nhất hai Bộ, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, những yêu cầu mới về lãnh đạo và quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa xuất hiện ngày càng nhiều cả về số lượng và độ phức tạp thì yêu cầu cấp thiết là phải đổi mới và hoàn thiện công tác thống kê.

##### **2. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;
- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;
- Quyết định số 45/2009/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ, công chức làm công tác thống kê.

#### **II. NỘI DUNG**

##### **1. Đánh giá thực trạng công tác thống kê Bộ Công Thương**

- Tổ chức bộ máy thống kê Bộ; thống kê ở các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ; thống kê ở Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Việc thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê tại Bộ; tại Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ; tại Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **2. Phương hướng hoàn thiện công tác thống kê Bộ Công thương**

- Củng cố và tăng cường bộ máy tổ chức thống kê Bộ Công Thương.
- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ thống kê.
- Tập trung đổi mới và hoàn thiện công tác chuyên môn nghiệp vụ thống kê công nghiệp và thương mại.
- Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa thống kê Bộ Công Thương và Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
- Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào công tác thống kê.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê tổng hợp của Bộ Công Thương; xây dựng Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại giai đoạn 2005 - 2010 và xây dựng cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại các giai đoạn.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch củng cố và tăng cường bộ máy tổ chức thống kê Bộ Công Thương.

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị chuyên môn của Tổng cục Thống kê và các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; đổi mới và hoàn thiện công tác chuyên môn nghiệp vụ thống kê công nghiệp và thương mại.

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Tổng cục Thống kê xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa thống kê Bộ Công Thương và Tổng cục Thống kê - Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Cục Thương mại điện tử xây dựng kế hoạch tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào công tác thống kê và xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê tổng hợp của Bộ Công Thương; xây dựng Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại giai đoạn 2005 - 2010 và xây dựng cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại các giai đoạn.

## **NHIỆM VỤ VII**

### **TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀO CÔNG TÁC THỐNG KÊ**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, việc đưa công nghệ thông tin vào công tác thống kê là điều tất yếu. Công nghệ thông tin sẽ làm giảm thiểu khối lượng tính toán phức tạp, thủ công trong công tác thống kê. Qua đó số liệu thống kê sẽ được khai thác mọi lúc, mọi nơi và có thể đến mọi người dân quan tâm. Ứng dụng công nghệ thông tin sẽ góp phần chuẩn hóa nguồn số liệu, chuẩn hóa quy trình báo cáo giữa các cấp, đồng thời, sẽ giảm khối lượng công việc cho người làm công tác thống kê, giảm thời gian và chi phí của đơn vị. Ngoài ra, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê là công cụ hữu hiệu nhất hỗ trợ cho các quyết định của các nhà quản lý.

Bộ Công Thương quản lý ngành, lĩnh vực quan trọng, phạm vi quản lý rộng và rất phức tạp nên việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê là hết sức cần thiết.

##### **2. Yêu cầu**

- Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào công tác thống kê từ Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương tới Bộ Công Thương.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê tổng hợp của Bộ Công Thương và cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại các giai đoạn.

##### **3. Mục tiêu**

- Giai đoạn 2011 - 2012

- + Đầu tư trang thiết bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác thống kê ngành công thương.

- + Xây dựng phần mềm Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và các Sở Công Thương.

- + Đào tạo, tập huấn cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và các Sở Công Thương sử dụng và khai thác phần mềm Chế độ báo cáo.

- Giai đoạn từ 2013 - 2015

- + Xây dựng các cơ sở dữ liệu về báo cáo thống kê và Niên giám thống kê ngành Công Thương.

- + Từng bước cập nhật các số liệu báo cáo vào cơ sở dữ liệu thống kê đã xây dựng.

+ Tích hợp hệ thống thông tin thống kê vào Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương.

#### **4. Căn cứ pháp lý**

- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 102/2009/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về quản lý, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BTTTT ngày 04 tháng 01 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc công bố Danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 3916/QĐ-BCT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể ứng dụng công nghệ thông tin của Bộ Công Thương giai đoạn 2011-2015.

#### **II. NỘI DUNG**

- Xây dựng phần mềm Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ.
- Xây dựng phần mềm Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê ngành công thương.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại.
- Tăng cường cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác trao đổi, báo cáo và vận hành các cơ sở dữ liệu, bao gồm: Hệ thống máy chủ, hạ tầng mạng, đường truyền kết nối giữa Bộ với các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và các Sở Công Thương; thiết bị bảo mật.
- Tập huấn, hướng dẫn các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty, Sở Công Thương sử dụng phần mềm Chế độ báo cáo.
- Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

#### **III. KINH PHÍ**

- Dự trù kinh phí triển khai: 2.406 triệu đồng.
- Kinh phí cụ thể được bố trí trong dự toán giao hàng năm.
- Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước.



#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin**

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch khảo sát, đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thống kê tại các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và các Sở Công Thương các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch xây dựng phần mềm Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch xây dựng các cơ sở dữ liệu về báo cáo thống kê và cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại.

- Tăng cường đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin như: máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền kết nối tới các đơn vị đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật.

- Tổ chức các buổi đào tạo, tập huấn, hướng dẫn các đơn vị sử dụng, khai thác phần mềm Chế độ báo cáo định kỳ.

- Duy trì, cập nhật thông tin, số liệu thống kê vào cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê.

- Phối hợp với Vụ Kế hoạch xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án.

##### **2. Vụ Kế hoạch**

- Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho Đề án.

- Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin tổ chức đào tạo, tập huấn cho các đơn vị khai thác sử dụng phần mềm.

- Tổ chức các cơ sở dữ liệu thống kê ban đầu, cơ sở dữ liệu thống kê tổng hợp, kho dữ liệu, xây dựng hệ thống sản phẩm thông tin thống kê công nghiệp và thương mại.

- Cung cấp các số liệu báo cáo thống kê và Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại để cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

##### **3. Các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và các Sở Công Thương.**

- Tăng cường trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo đủ điều kiện về phương tiện làm việc.

- Phối hợp với Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin xây dựng cơ chế trao đổi báo cáo thống kê từ đơn vị đến Bộ Công Thương ứng dụng công nghệ thông tin.

## **NHIỆM VỤ VIII**

### **TỔ CHỨC CÔNG BỐ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN: HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THÔNG KÊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG KÊ ĐỊNH KỲ ÁP DỤNG CHO CÁC TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY THUỘC BỘ - CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG KÊ ĐỊNH KỲ ÁP DỤNG CHO SỞ CÔNG THƯƠNG CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Để đảm bảo hệ thống thông tin thống kê thông suốt, liên tục và hiệu quả từ Bộ đến các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và các Sở Công Thương các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương thì công tác công bố, phổ biến, đào tạo Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại, Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng các Sở Công Thương cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ thống kê là vô cùng quan trọng. Việc nắm bắt và áp dụng nghiêm chỉnh Chế độ báo cáo thống kê của cán bộ thống kê cơ sở sẽ đảm bảo cho việc thu thập thông tin thống kê một cách chính xác và có hệ thống.

##### **2. Mục đích**

Công bố và triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại, Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

##### **3. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;
- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;
- Quyết định số .../QĐ-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại.
- Quyết định số .../QĐ-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn,

Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **II. NỘI DUNG**

- Báo cáo tổng kết công tác thống kê trong thời gian qua và định hướng trong thời gian tới.

- Công bố thực trạng công tác thống kê Bộ Công Thương.

- Công bố, tập huấn, triển khai thực hiện:

+ Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại;

+ Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ;

+ Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục thuộc Bộ, các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai nhiệm vụ này sau khi Bộ Công Thương ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại, Hệ thống giải thích khái niệm, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại, Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Địa điểm: dự kiến tổ chức tại Miền Bắc và Miền Nam

- Thời gian: dự kiến 3 ngày

## **NHIỆM VỤ IX**

### **TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ**

#### **I. SỰ CẦN THIẾT**

##### **1. Sự cần thiết**

Kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, đặc biệt từ năm 2007, Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Hơn nữa, trong xu thế thương mại hóa và toàn cầu hoá đòi hỏi phải có sự so sánh quốc tế về số liệu thống kê. Vì vậy, việc trao đổi thông tin thống kê về ngành công nghiệp và thương mại, việc nâng cao trình độ chuyên môn thông qua đào tạo, khảo sát, trao đổi kinh nghiệm với thống kê quốc tế là vô cùng quan trọng và cấp thiết.

##### **2. Căn cứ pháp lý**

- Luật Thống kê ngày 17 tháng 6 năm 2003;
- Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
- Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;
- Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 1 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức Thống kê Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới đồng bộ các hệ thống chỉ tiêu thống kê;

#### **II. NỘI DUNG**

##### **1. Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê công nghiệp và thương mại**

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thống kê công nghiệp và thương mại với các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm tiếp cận nhanh chóng công nghệ tiên tiến và chuẩn mực thống kê công nghiệp và thương mại quốc tế
- Trao đổi, học hỏi kinh nghiệm cách thức thu thập, tổng hợp thông tin thống kê.

##### **2. Tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức thống kê quốc tế; Đẩy mạnh việc trao đổi, khai thác thông tin thống kê quốc tế**

- Tranh thủ sự giúp đỡ về kỹ thuật và tài chính của các tổ chức thống kê quốc tế cho Thống kê Bộ Công Thương.

- Đẩy mạnh việc trao đổi, khai thác thông tin thống kê quốc tế phục vụ cho nhu cầu nghiên cứu và điều hành trong nước, đồng thời, đảm bảo cung cấp thông tin thống kê công nghiệp và thương mại của Việt Nam cho thống kê quốc tế.

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Chính sách Thương mại đa biên xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế về trao đổi số liệu thống kê về công nghiệp và thương mại và học tập kinh nghiệm về chuyên môn và công tác thống kê.

- Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các Vụ/Cục và các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế được xây dựng.

**TỔNG DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH PHÂN KỲ THEO NĂM THỰC HIỆN  
TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN ĐỔI MỚI ĐỒNG BỘ CÁC HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ BỘ CÔNG THƯƠNG**

TT	Tên công việc	Tên đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Số tiền (1.000đ)	Phân kỳ kinh phí thực hiện các năm (1.000đ)					Ghi chú
					2 011	2 012	2 013	2 014	2 015	
1	Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại	Vụ Kế hoạch	2011 - 2012	3 705 148	2 081 300	1 623 848				Phụ lục 1A, 1B
2	Chương trình điều tra thống kê quốc gia "năng lực mới tăng của sản phẩm công nghiệp"	Vụ Kế hoạch	2013	3 110 481			3 110 481			Phụ lục 2
3	Tăng cường ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin và truyền thông vào công tác thống kê	Cục Thương mại điện tử và CNTT	2011- 2015	2 409 838	656 300	1 448 372	101 722	101 722	101 722	Phụ lục 3
4	Điều tra, khảo sát các loại hình kinh doanh thương mại	Vụ Thị trường trong nước	2012	1 150 000		1 150 000				Phụ lục 4
5	Điều tra các loại hình và cấp độ chợ	Vụ Thị trường trong nước	2014	540 080				540 080		Phụ lục 5
6	Điều tra doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử	Cục Thương mại điện tử và CNTT	2013	1 459 000			1 459 000			Phụ lục 6
7	Điều tra các chỉ tiêu về công tác quản lý thị trường	Cục Quản lý Thị trường	2013	589 200			589 200			Phụ lục 7
8	Điều tra các chỉ tiêu về tài nguyên môi trường và phát triển bền vững ngành công thương	Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường CN	2012	626 600		626 600				Phụ lục 8
9	Điều tra khảo sát thực trạng đối tượng chính sách khuyến công	Cục Công nghiệp địa phương	2012	1 880 000		1 880 000				Phụ lục 9
10	Tổng kết toàn bộ Đề án	Vụ Kế hoạch	2015	78 840					78 840	Phụ lục 10
<b>TỔNG CỘNG KINH PHÍ TOÀN ĐỀ ÁN (1+...+10)</b>				<b>15 549 187</b>	<b>2 737 600</b>	<b>6 728 820</b>	<b>5 260 403</b>	<b>641 802</b>	<b>180 562</b>	

**Bảng chữ: Mười lăm tỷ năm trăm bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn./.**



**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 1**  
**XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VỤ KẾ HOẠCH - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2011**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /QĐ- BCT ngày    tháng    năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
<b>A</b>	<b>XÂY DỰNG, XÉT DUYỆT ĐỀ CƯƠNG</b>				<b>9 250</b>
<b>I</b>	<b>Xây dựng Đề cương Chương trình</b>				<b>2 400</b>
1	Xây dựng Đề cương	Đề cương chi tiết	900	1	900
2	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương tổng quát	1 500	1	1 500
<b>II</b>	<b>Xét duyệt đề cương Chương trình</b>				<b>4 150</b>
1	Chủ tịch hội đồng	Người	200	1	200
2	Thành viên hội đồng, thư ký	Người	150	5	750
3	Đại biểu	Người	70	20	1 400
4	Bài nhận xét, phản biện	Người	400	2	800
5	Bài nhận xét của thành viên hội đồng	Bài	250	4	1 000
<b>III</b>	<b>Xây dựng Chương trình hành động của ngành công thương triển khai Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê</b>	<b>Quyết định</b>			<b>2 700</b>
	Soạn thảo đề cương	Đề cương	700	1	700
	Soạn thảo Quyết định	Quyết định	2 000	1	2 000
<b>B</b>	<b>THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH</b>				<b>2 072 050</b>
<b>I</b>	<b>Điều tra thực trạng công tác thống kê</b>				<b>126 500</b>
1	Khảo sát và thu thập thông tin	Công	100	120	12 000
	Thu thập thông tin về hiện trạng công tác thống kê tại Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ	Công	100	60	6 000
	Thu thập thông tin về hiện trạng công tác thống kê tại các Sở Công Thương	Công	100	60	6 000
2	Chi phí đi lại, ăn ở đến nơi khảo sát				90 500
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 15 ngày)	Công	150	75	11 250
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	75	26 250
	Thuê xe đi điều tra thực địa (đơn giá bình quân)	Chuyến	1 500	15	22 500
	Vé máy bay	Chuyến	4 100	5	20 500
	Văn phòng phẩm, khác				10 000
3	Tổng hợp, phân tích đánh giá hiện trạng công tác thống kê Bộ Công Thương				24 000
	Tổng hợp, phân tích đánh giá hiện trạng công tác thống kê ở các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ	Chuyên đề	12 000	1	12 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	Tổng hợp, phân tích đánh giá hiện trạng công tác thống kê ở các Sở Công Thương	Chuyên đề	12 000	1	12 000
II	<b>Xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại</b>				<b>86 000</b>
1	Xây dựng Chuyên đề	Chuyên đề	12 000	1	12 000
2	Xây dựng chuyên đề chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp	Chuyên đề	12 000	1	12 000
3	Xây dựng chuyên đề chỉ tiêu thống kê ngành thương mại	Chuyên đề	12 000	1	12 000
4	Hợp thông qua nội dung Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Công nghiệp và thương mại	Lần	10 000	3	30 000
5	Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia	Lần	10 000	1	10 000
6	Hợp thẩm định	Lần	10 000	1	10 000
III	<b>Xây dựng Hệ thống giải thích khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại</b>				<b>660 000</b>
1	Xây dựng giải thích khái niệm, nội dung, phương pháp tính, nguồn số liệu các nhóm chỉ tiêu				484 000
	Nhóm chỉ tiêu công nghiệp	Chuyên đề	12 000	13	156 000
	Nhóm chỉ tiêu công nghiệp địa phương	Chuyên đề	12 000	3	36 000
	Nhóm chỉ tiêu an toàn công nghiệp	Chuyên đề	12 000	2	24 000
	Nhóm chỉ tiêu môi trường công nghiệp	Chuyên đề	12 000	7	84 000
	Nhóm chỉ tiêu biến đổi khí hậu	Chuyên đề	12 000	1	12 000
	Nhóm chỉ tiêu thương mại	Chuyên đề	12 000	7	84 000
	Nhóm chỉ tiêu tài chính	Chuyên đề	8 000	1	8 000
	Nhóm chỉ tiêu đầu tư xây dựng	Chuyên đề	8 000	1	8 000
	Nhóm chỉ tiêu giáo dục đào tạo	Chuyên đề	8 000	1	8 000
	Nhóm chỉ tiêu lao động và thu nhập	Chuyên đề	8 000	1	8 000
	Nhóm chỉ tiêu khoa học công nghệ	Chuyên đề	8 000	1	8 000
	Nhóm chỉ tiêu thương mại điện tử	Chuyên đề	12 000	3	36 000
	Nhóm chỉ tiêu quản lý thị trường	Chuyên đề	12 000	1	12 000
2	Tổng hợp hệ thống giải thích khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại	Chuyên đề	12 000	3	36 000
3	Hợp thông qua nội dung Hệ thống	Lần	10 000	10	100 000
4	Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia	lần	10 000	2	20 000
5	Hợp thẩm định	lần	10 000	2	20 000
IV	<b>Xây dựng Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng đối với các Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b>				<b>310 100</b>
1	Chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ				134 700



TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	Soạn thảo đề cương	Đề cương	700	1	700
	Soạn thảo thông tư	Thông tư	2 000	1	2 000
	Giải thích chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ	Chuyên đề	12 000	11	132 000
2	Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương				50 700
	Soạn thảo đề cương	Đề cương	700	1	700
	Soạn thảo thông tư	Thông tư	2 000	1	2 000
	Giải thích chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương	Chuyên đề	12 000	4	48 000
3	Chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương				50 700
	Soạn thảo đề cương	Đề cương	700	1	700
	Soạn thảo thông tư	Thông tư	2 000	1	2 000
	Giải thích chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Công Thương	Chuyên đề	12 000	4	48 000
4	Hợp thông qua chế độ báo cáo	Lần	10 000	5	50 000
5	Hợp thẩm định	Lần	12 000	2	24 000
V	Hội nghị công bố Báo cáo thực trạng công tác thống kê; Hệ thống chỉ tiêu thống kê công nghiệp và thương mại; Hệ thống giải thích khái niệm, nội dung, phạm vi, phương pháp tính, nguồn số liệu các chỉ tiêu thống kê ngành công nghiệp và thương mại; Chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ và Chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương				602 900
1	Tổ chức tại phía Nam (dự kiến tại Thành phố Hồ Chí Minh)				432 800
	Thuê Hội trường	Ngày	20 000	4	80 000
	Tài liệu, thiết bị văn phòng phẩm	Người	100	200	20 000
	Chi chuyên gia trực tiếp tập huấn (4 người)	Người/ngày	400	16	6 400
	Nước	Người/ngày	30	800	24 000
	Vé máy bay khứ hồi cho chuyên gia (Hà Nội - Tp Hồ Chí Minh)	Người	4 100	8	32 800
	Vé máy bay khứ hồi cho cán bộ Bộ Công Thương	Người	4 100	40	164 000
	Lưu trú cho chuyên gia	Người/ngày	350	56	19 600
	Lưu trú cho cán bộ Bộ Công Thương	Người/ngày	350	160	56 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	Thuê phương tiện đi lại, chi khác				30 000
2	Tổ chức tại phía Bắc:				170 100
	Thuê Hội trường	Ngày	15 000	4	60 000
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Người	100	150	15 000
	Chuyên gia trực tiếp tập huấn (4 người)	Người/ngày	400	16	4 800
	Nước	Người/ngày	30	200	6 000
	Lưu trú cho chuyên gia	Người/ngày	350	56	6 300
	Lưu trú cho cán bộ Bộ Công Thương	Người/ngày	350	160	18 000
	Thuê phương tiện đi từ Hà Nội (khứ hồi)	Ngày	15 000	6	60 000
VI	Xây dựng cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa thống kê Bộ Công Thương và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)				19 700
1	Xây dựng Đề cương cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin				6 700
	Xây dựng Đề cương Đề án	Đề cương	700	1	700
	Hợp thông qua Đề cương				6 000
2	Hợp xây dựng dự thảo cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin				6 500
	Nước	Người/ngày	30	50	1 500
	Tài liệu, thiết bị, văn phòng phẩm		100	50	5 000
3	Lễ ký kết Biên bản ghi nhớ về cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin				6 500
	Nước	Người/ngày	30	50	1 500
	Tài liệu, văn phòng phẩm		100	50	5 000
VII	Chi phụ cấp kiêm nhiệm (4 người x 12 tháng/người)	Người/tháng	650	48	31 200
VIII	Chi thuê chuyên gia có kinh nghiệm tư vấn xây dựng, triển khai và thực hiện Đề án (2 người x 12 tháng/người)	Người/tháng	4 800	24	115 200
IX	Chi công tác phí đi kiểm tra thực hiện Đề án				89 250
1	Miền Bắc				16 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
2	Miền Trung				31 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Vé máy bay khứ hồi (HN-ĐN)	Vé	3 000	5	15 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
3	Miền Nam				40 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	Vé Máy bay khứ hồi	Vé	4 800	5	24 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
<b>X</b>	<b>Chi sơ kết quá trình thực hiện Đề án năm 2010 - 2011</b>				<b>31 200</b>
1	Thuê Hội trường	Ngày	15 000	1	15 000
2	Thuê thiết bị, dụng cụ	Ngày	2 000	1	2 000
3	Tài liệu, văn phòng phẩm	Người	100	100	10 000
4	Nước uống cho đại biểu	Người/ngày	30	100	3 000
5	Bảo cáo viên	Người	600	2	1 200
	<b>Tổng cộng</b>				<b>2 081 300</b>

Bằng chữ: Hai tỷ không trăm tám mươi một triệu hai trăm nghìn đồng.



**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 1**  
**XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VỤ KẾ HOẠCH - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2012**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
<b>I</b>	<b>Xây dựng Niên giám thống kê ngành công nghiệp và thương mại giai đoạn 2005 - 2010</b>				<b>348 000</b>
1	Thu thập các số liệu thống kê thuộc ngành công nghiệp từ 2005- 2010	Chuyên đề	12 000	8	96 000
2	Thu thập các số liệu thống kê thuộc ngành thương mại từ 2005- 2010	Chuyên đề	12 000	6	72 000
3	Thu thập các số liệu thống kê của các TĐ, TCT, CT thuộc Bộ Công Thương từ 2005- 2010	Chuyên đề	12 000	8	96 000
4	Tổng hợp, chỉnh biên số liệu thống kê thuộc ngành công nghiệp từ 2005- 2010	Chuyên đề	12 000	1	12 000
5	Tổng hợp, chỉnh biên số liệu thống kê thuộc ngành thương mại từ 2005- 2010	Chuyên đề	12 000	1	12 000
6	Tổng hợp, chỉnh biên số liệu thống kê của các TĐ, TCT, CT thuộc Bộ từ 2005- 2010	Chuyên đề	12 000	1	12 000
7	Hợp thông qua nội dung Niên giám thống kê	Lần	10 000	2	20 000
8	Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia	Lần	10 000	1	10 000
9	Hợp thẩm định	Lần	10 000	1	10 000
10	Tài liệu, văn phòng phẩm		8 000		8 000
<b>II</b>	<b>Khảo sát, tập huấn tại Thống kê Châu Âu về thống kê công nghiệp và thương mại</b>				<b>842 598</b>
1	Đoàn đi: 8 người * 5ngày (đơn vị tính: USD)				40 335
	Tỷ giá tạm tính: 20,890 VND/USD				
2	Vé máy bay	Người	4 000	8	32 000
3	Thuê khách sạn	Ngày	60	40	2 400
4	Tiền ăn	Người	55	40	2 200
5	Thuê phương tiện đi lại	Lần	80	16	1 280
6	Chi khác (lệ phí sân bay, visa, hộ chiếu, bảo hiểm, điện thoại, cước phí...)				1 315
	(tiêu vật = 15\$/ngày/người, cước 100\$/đoàn, điện thoại 200\$/đoàn, bảo hiểm 30\$/người)				1 140
<b>II</b>	<b>Đào tạo, đào tạo lại cho cán bộ công chức, viên chức Bộ Công Thương (100 người x 4 ngày)</b>	<b>Lớp</b>			<b>166 400</b>
1	Thuê phòng học	Ngày	15 000	4	60 000
2	Thuê thiết bị, dụng cụ giảng dạy	Ngày	2 000	4	8 000
3	In ấn, copy tài liệu và chứng chỉ cho học viên	Người	100	100	10 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
4	Thuê giảng viên	Người	600	8	4 800
5	Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên	Người/ngày	150	4	600
6	Thuê phương tiện đưa đón học viên đi thăm quan, khảo sát	Chuyến	10 000	3	30 000
7	Hỗ trợ tiền ăn cho học viên	Người/Ngày	50	400	20 000
8	Chi nước uống phục vụ lớp học	Người/Ngày	30	400	12 000
9	Tiền thuốc y tế thông thường cho học viên				1 000
10	Chi biên soạn giáo trình	Giáo trình	5 000	1	5 000
11	Văn phòng phẩm cho lớp học				5 000
12	Chi khai giảng, bế giảng	Lần	5 000	2	10 000
III	Chi phụ cấp kiêm nhiệm (4 người x 12 tháng/người)	Người/tháng	650	48	31 200
IV	Chi thuê chuyên gia có kinh nghiệm tư vấn xây dựng, triển khai và thực hiện Đề án (2 người x 12 tháng/người)	Người/tháng	4 800	24	115 200
V	Chi công tác phí đi kiểm tra thực hiện Đề án				89 250
1	Miền Bắc				16 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
2	Miền Trung				31 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Vé máy bay khứ hồi (HN-ĐN)	Vé	3 000	5	15 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
3	Miền Nam				40 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Vé Máy bay khứ hồi	Vé	4 800	5	24 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
VI	Chi sơ kết quá trình thực hiện Đề án năm 2012				31 200
	Thuê Hội trường	Ngày	15 000	1	15 000
	Thuê thiết bị, dụng cụ	Ngày	2 000	1	2 000
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Người	100	100	10 000
	Nước uống cho đại biểu	Người/ngày	30	100	3 000
	Báo cáo viên	Người	600	2	1 200
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1 623 848</b>

Bảng chữ: Một tỷ sáu trăm hai mươi ba triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng.

**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 2**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA THỐNG KÊ QUỐC GIA**  
**"NĂNG LỰC MỚI TĂNG CỦA SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP"**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VỤ KẾ HOẠCH - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2013**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /QĐ- BCT ngày    tháng    năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng phương án điều tra</b>				<b>31 500</b>
1	Đề cương tổng quát	Đề cương	1 000	1	1 000
2	Đề cương chi tiết	Đề cương	3 000	1	3 000
3	Chi lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu	500	15	7 500
4	Họp thông qua đề cương	Lần	5 000	3	15 000
5	Chi tài liệu, văn phòng phẩm...				5 000
<b>II</b>	<b>Họp thẩm định</b>	<b>Lần</b>	<b>5 000</b>	<b>1</b>	<b>5 000</b>
<b>III</b>	<b>Hội thảo, tập huấn nghiệp vụ</b>				<b>237 040</b>
1	Hội thảo xin ý kiến chuyên gia về phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra (2 cuộc)				12 000
	Người chủ trì	Người	200	2	400
	Thư ký hội thảo	Người	150	2	300
	Nhận xét đánh giá của chuyên gia	Bài	400	3	1 200
	Nhận xét đánh giá của thành viên	Bài	200	3	600
	Đại biểu	Người	70	50	3 500
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	50	50	2 500
	Nước	Người	30	50	1 500
	Văn phòng phẩm, khác				2 000
2	Tập huấn nghiệp vụ điều tra (2 lớp*2 ngày)				225 040
	Tổng số người: 260/2 lớp				
	Thuê hội trường	Hội trường	10 000	4	40 000
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	70	260	18 200
	Chuyên gia Tổng cục Thống kê (4 người * 2 ngày * 2 lớp)	Ngày	400	4	6 400
	Nước	Người/ngày	30	260	3 640
	Vé máy bay khứ hồi (Hà Nội - TP Hồ Chí Minh) (BCT, TCTK)	Người	4 100	34	139 400
	Công tác phí: 24 người * 2 ngày	Người	150	48	7 200
	Thuê phòng khách sạn (34 người * 2 ngày) (BCT, TCTK)	Người	350	68	10 200
<b>IV</b>	<b>Triển khai điều tra</b>				<b>2 310 291</b>
	Xuất bản ấn phẩm điều tra (hướng dẫn)	Cuốn	100	500	50 000
	Tài liệu điều tra	Bộ	70	10 000	700 000
	Chi vận chuyển tài liệu	Chuyến	1 000	63	63 000
	Thuê xe cán bộ, điều tra viên thực địa: 63 tỉnh * 400km/tỉnh	Km	6	25 200	151 200
	Công điều tra viên: 63 tỉnh x 100 công	Người	66	6 300	418 091
	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin (10.000DN)	Người	50	10 000	500 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	Giám sát điều tra:				
	Công tác phí, chỗ nghỉ (5 người BCT x 25 tỉnh x 3 ngày/tỉnh)	Người	500	375	187 500
	Vé máy bay: 8 chuyến khứ hồi	Người	4 100	40	164 000
	Thuê xe đi 17 tỉnh khác	Ngày	1 500	51	76 500
<b>V</b>	<b>Xử lý kết quả điều tra</b>				<b>233 200</b>
	Phần mềm xử lý	Bộ	200 000	1	200 000
	Nhập số liệu	Ngày công	100	100	10 000
	Tổng hợp số liệu	Ngày công	100	100	10 000
	Thuê chuyên gia phân tích	Báo cáo	400	3	1 200
	Viết báo cáo kết quả điều tra	Báo cáo	12 000	1	12 000
<b>VI</b>	<b>Công bố kết quả điều tra</b>				<b>69 000</b>
	Tổng số người: 200				
	Thuê hội trường	Hội trường	10 000	1	10 000
	Xuất bản ấn phẩm kết quả điều tra	Cuốn	200	200	40 000
	Nước	Người	30	200	6 000
	Tài liệu	Người	50	200	10 000
	Văn phòng phẩm, khác				3 000
<b>VII</b>	<b>Chi khác cho cuộc điều tra</b>				<b>20 000</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi thuê chuyên gia có kinh nghiệm tư vấn xây dựng, triển khai và thực hiện Đề án (2 người x 12 tháng)</b>	Người/tháng	4 800	24	<b>115 200</b>
	<b>Chi công tác phí đi kiểm tra thực hiện Đề án</b>				<b>89 250</b>
1	Miền Bắc				16 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
2	Miền Trung				31 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Vé máy bay khứ hồi (HN-ĐN)	Vé	3 000	5	15 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
3	Miền Nam				40 750
	Phụ cấp công tác phí (5 người * 5 ngày)	Công	150	25	3 750
	Lưu trú	Ngày/đêm	350	20	7 000
	Vé máy bay khứ hồi	Vé	4 800	5	24 000
	Thuê xe	Ngày	2 000	3	6 000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>3 110 481</b>

**Bảng chữ: Ba tỷ một trăm mười triệu bốn trăm tám mươi một nghìn đồng.**

**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 3**  
**TĂNG CƯỜNG ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ**  
**TRUYỀN THÔNG VÀO CÔNG TÁC THỐNG KÊ**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2011 - 2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000 VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
<b>A</b>	<b>Xây dựng phần mềm quản lý về thống kê tại Bộ Công Thương</b>				<b>1 782 950</b>
	<b>Năm 2011</b>				<b>656 300</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí lập đề cương nghiên cứu và các công việc tổ chức thực hiện đề án</b>				<b>22 000</b>
1	Chi phí lập đề cương				8 000
	Đề cương tổng quát	Bản	2	1 000	2 000
	Đề cương chi tiết	Bản	2	3 000	6 000
2	Họp thông qua đề cương (4 lần x 40 người)	Người	160	70	11 200
3	Chi phí văn phòng (thiết bị, văn phòng phẩm...)	Lần họp	4	700	2 800
<b>II</b>	<b>Chi phí điều tra khảo sát hiện trạng ứng dụng CNTT trong công tác thống kê</b>				<b>332 000</b>
1	Chi phí phân tích và xử lý số liệu				8 000
	Chế độ báo cáo thống kê ở Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty	Công	50	100	5 000
	Chế độ báo cáo thống kê ở Sở Công Thương	Công	30	100	3 000
2	Chi phí đi lại, ăn ở đến nơi khảo sát				324 000
	Phụ cấp công tác phí (10 người * 30 ngày)	Công	300	300	90 000
	Lưu trú (10 người * 30 ngày)	Ngày/đêm	150	600	90 000
	Thuê xe đi khảo sát (đơn giá bình quân)	Chuyến	20	1 500	30 000
	Vé máy bay (khứ hồi)	Lượt	30	3 800	114 000
<b>III</b>	<b>Chi phí chuẩn hóa các biểu mẫu điện tử báo cáo thống kê theo chuyên đề</b>				<b>22 300</b>
1	Chuẩn hóa biểu mẫu các chỉ tiêu	Công	90	100	9 000
2	Họp thống nhất mẫu Form điện tử (2 lần x 85 người)	Người	170	70	11 900
3	Chi phí văn phòng (thiết bị, văn phòng phẩm...)	Lần họp	2	700	1 400
<b>IV</b>	<b>Chi phí xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê theo chuyên đề</b>				<b>560 000</b>
1	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về ngành công nghiệp	Chuyên đề	1	80 000	80 000
2	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về tài chính	Chuyên đề	1	30 000	30 000
3	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về ngành thương mại	Chuyên đề	1	80 000	80 000



TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000 VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
4	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về đầu tư xây dựng	Chuyên đề	1	30 000	30 000
5	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu khoa học công nghệ	Chuyên đề	1	30 000	30 000
6	Xây dựng phần mềm các chỉ tiêu về đào tạo	Chuyên đề	1	30 000	30 000
	<b>Năm 2012</b>				<b>1.448.372</b>
7	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về lao động và thu nhập của người lao động	Chuyên đề	1	50 000	50 000
8	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về công nghiệp địa phương	Chuyên đề	1	40 000	40 000
9	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về thương mại điện tử	Chuyên đề	1	40 000	40 000
10	Xây dựng phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về quản lý thị trường	Chuyên đề	1	50 000	50 000
11	Xây dựng phần mềm tổng hợp số liệu thống kê các chỉ tiêu chung	Chuyên đề	1	100 000	100 000
<b>V</b>	<b>Chi phí tổng hợp toàn đề án, báo cáo tóm tắt đề án</b>				<b>33 000</b>
1	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về ngành công nghiệp	Chuyên đề	1	3 000	3 000
2	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về tài chính	Chuyên đề	1	3 000	3 000
3	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về ngành thương mại	Chuyên đề	1	3 000	3 000
4	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về đầu tư xây dựng	Chuyên đề	1	3 000	3 000
5	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu khoa học công nghệ	Chuyên đề	1	3 000	3 000
6	Tổng hợp phần mềm các chỉ tiêu về đào tạo	Chuyên đề	1	3 000	3 000
7	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu lao động và thu nhập của người lao động	Chuyên đề	1	3 000	3 000
8	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về công nghiệp địa phương	Chuyên đề	1	3 000	3 000
9	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về thương mại điện tử	Chuyên đề	1	3 000	3 000
10	Tổng hợp phần mềm chế độ báo cáo thống kê các chỉ tiêu về quản lý thị trường	Chuyên đề	1	3 000	3 000
11	Tổng hợp phần mềm tổng hợp số liệu thống kê các chỉ tiêu chung	Chuyên đề	1	3 000	3 000
<b>VI</b>	<b>Báo cáo tổng kết Đề án (bao gồm báo cáo chính và báo cáo tóm tắt)</b>				<b>12 000</b>
<b>VII</b>	<b>Chi phí hội thảo, thẩm định, xét duyệt và chi khác</b>				<b>52 200</b>
1	Tư vấn đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở				5 600
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên phản biện	Người	2	800	1 600

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000 VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	Nhận xét đánh giá của uỷ viên Hội đồng	Người	2	500	1 000
	Chuyên gia phân tích, đánh giá, khảo nghiệm kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ trước khi đánh giá nghiệm thu cơ sở	Người	2	800	1 600
	Đại biểu tham dự	Người	20	70	1 400
2	Họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu				2 000
	Chủ tịch Hội đồng	Người	1	200	200
	Thành viên, thư ký khoa học	Người	2	150	300
	Thư ký hành chính	Người	1	100	100
	Đại biểu tham dự	Người	20	70	1 400
3	Thù lao trách nhiệm điều hành chung của chủ nhiệm đề tài, dự án	Tháng	24	1 000	24 000
4	Hội nghị, hội thảo				5 600
	Người chủ trì	Người	1	200	200
	Thư ký hội thảo	Người	1	100	100
	Báo cáo tham luận theo đặt hàng	Người	5	500	2 500
	Đại biểu tham dự	Người	40	70	2 800
5	Chi phí khác	Năm	1	15 000	15 000
<b>VIII</b>	<b>Chi cài đặt, tập huấn triển khai chương trình</b>				<b>749 450</b>
1	Tập huấn cho các đối tượng sử dụng				166 450
	Tập huấn Miền Bắc				68 500
	Tập huấn Miền Nam				97 950
2	Trang bị máy móc, phương tiện thông tin				0
3	Triển khai cài đặt phần mềm cho các đơn vị				583 000
	Phụ cấp công tác phí (3 người x (62 tỉnh+18ĐV)x 2 ngày)	Công	300	480	144 000
	Lưu trú (3 người x (62 tỉnh+18ĐV)x 2 ngày)	đ/đêm	600	480	288 000
	Thuê xe đi các đơn vị (đơn giá bình quân)	Chuyến	50	1 500	75 000
	Vé máy bay (khứ hồi)	Lượt	20	3 800	76 000
<b>B</b>	<b>XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>				<b>626 888</b>
1	Xây dựng phần mềm Quản lý cơ sở dữ liệu				220 000
	Phân tích, thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu				30 000
	Lập trình các Module quản lý cơ sở dữ liệu				150 000
	Triển khai cài đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của Bộ Công Thương				20 000
	Đào tạo cán bộ sử dụng phần mềm				20 000
2	Duy trì và cập nhật dữ liệu				101 722
	Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê (63*20)+(18*20)	Trang	1 620	28,1	45 522
	Cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành CN và TM	Trang	2 000	28,1	56 200

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000 VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	<b>Năm 2013</b>				<b>101 722</b>
3	Duy trì và cập nhật dữ liệu				101 722
	Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê (63*20)+(18*20)	Trang	1 620	28,1	45 522
	Cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành CN và TM	Trang	2 000	28,1	56 200
	<b>Năm 2014</b>				<b>101 722</b>
4	Duy trì và cập nhật dữ liệu				101 722
	Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê (63*20)+(18*20)	Trang	1 620	28,1	45 522
	Cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành CN và TM	Trang	2 000	28,1	56 200
	<b>Năm 2015</b>				<b>101 722</b>
2	Duy trì và cập nhật dữ liệu				101 722
	Cơ sở dữ liệu báo cáo thống kê	Trang	1 620	28,1	45 522
	Cơ sở dữ liệu Niên giám thống kê ngành CN và TM	Trang	2 000	28,1	56 200
	<b>Tổng cộng</b>				<b>2 409 838</b>

**Bảng chữ: Hai tỷ bốn trăm lẻ chín triệu tám trăm ba mươi tám nghìn đồng.**

**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 4**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA KHẢO SÁT CÁC LOẠI HÌNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2012**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng phương án điều tra</b>				<b>17 000</b>
1	Đề cương tổng quát	Đề cương	1 000	1	1 000
2	Đề cương chi tiết	Đề cương	3 000	1	3 000
3	Chi lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu	1 000	1	1 000
4	Họp thông qua đề cương	Lần	5 000	2	10 000
5	Chi tài liệu, văn phòng phẩm				2 000
<b>II</b>	<b>Họp thẩm định</b>	<b>Lần</b>	<b>5 000</b>	<b>1</b>	<b>5 000</b>
<b>III</b>	<b>Hội thảo, tập huấn nghiệp vụ</b>				<b>131 400</b>
1	Hội thảo xin ý kiến chuyên gia về phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra				10 600
	Người chủ trì	Người	200	1	200
	Thư ký hội thảo	Người	150	1	150
	Nhận xét đánh giá của chuyên gia	Bài	400	8	3 200
	Nhận xét đánh giá của thành viên	Bài	200	4	800
	Đại biểu	Người	70	50	3 500
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	25	50	1 250
	Nước	Người	30	50	1 500
	Văn phòng phẩm, khác				
2	Tập huấn nghiệp vụ điều tra (3 lớp*3 ngày) (Hà Nội - Đà Nẵng - HCM)				120 800
	Tổng số người: 180/3 lớp				
	Thuê hội trường	Hội trường	10 000	3	30 000
	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	70	180	12 600
	Chuyên gia tập huấn (6 người * 3 ngày * 3 lớp)	Người	400	6	2 400
	Nước	Người/ngày	30	180	5 400
	Vé máy bay khứ hồi (Hà Nội - Tp HCM) (8 người, Chuyên gia, BTC)	Người	4 100	8	32 800
	Công tác phí: 8 người * 2 ngày (Chuyên gia, BTC)	Người	150	16	2 400
	Thuê phòng khách sạn (8 người * 2 ngày) (Chuyên gia, BTC)	Người	350	16	5 600
	Vé máy bay khứ hồi (Hà Nội - Tp Huế) (BTC)	Người	2 700	8	21 600
	Công tác phí: 8 người * 2 ngày (Chuyên gia, BTC)	Người	150	16	2 400
	Thuê phòng khách sạn (8 người * 2 ngày) (Chuyên gia, BTC)	Người	350	16	5 600

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
<b>IV</b>	<b>Triển khai điều tra</b>				<b>726 000</b>
1	In phiếu điều tra	Phiếu	5	1 500	7 500
2	Thu thập phiếu điều tra	Phiếu	70	1 260	88 200
3	Chi vận chuyển tài liệu	Chuyến	200	63	12 600
4	Thuê xe cán bộ, điều tra viên thực địa (63 tỉnh * 300km/tỉnh)	Km	1 800	63	113 400
5	Công điều tra viên: 63 tỉnh x 100 công	Người	500	63	31 500
6	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin (1.260DN)	Người	70	1 260	88 200
7	Giám sát điều tra: Công tác phí, chỗ nghỉ (6 người BCT x 20 tỉnh x 3ngày/tỉnh)	Người	500	360	180 000
8	Vé máy bay: 4 chuyến khứ hồi (6 người, Hà Nội - Tp. Hồ Chí Minh)	Người	4 100	24	98 400
9	Vé máy bay: 1 chuyến khứ hồi (6 người, Hà Nội - Tp. Đà Nẵng)	Người	2 700	6	16 200
10	Thuê xe đi 20 tỉnh khác	Ngày	1 500	60	90 000
<b>V</b>	<b>Xử lý, công bố kết quả điều tra</b>				<b>231 200</b>
1	Phần mềm xử lý	Bộ	100 000	1	100 000
2	Nhập số liệu	Ngày công	100	100	10 000
3	Tổng hợp số liệu	Ngày công	100	100	10 000
4	Thuê chuyên gia phân tích	Báo cáo	400	8	3 200
5	Viết báo cáo kết quả điều tra	Báo cáo	12 000	4	48 000
6	Bản đồ tổng hợp cỡ lớn	Bản Bờ	20 000	1	20 000
7	Bản đồ tổng hợp cỡ nhỏ	Bản đồ	10 000	4	40 000
<b>VI</b>	<b>Hợp báo công bố kết quả điều tra</b>				<b>39 400</b>
	Tổng số người: 100				
1	Thuê hội trường	Hội trường	10 000	1	10 000
2	Xuất bản ấn phẩm kết quả điều tra	Cuốn	200	100	20 000
3	Nước	Người	30	100	3 000
4	Tài liệu	Người	50	100	5 000
5	Cơ quan báo chí, truyền thông	người	14	100	1 400
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1 150 000</b>

**Bảng chữ: Một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng.**

**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 5**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA CÁC LOẠI HÌNH VÀ CẤP ĐỘ CHỢ**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VỤ THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2014**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /QĐ- BCT ngày        tháng        năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng phương án điều tra</b>				<b>5 000</b>
1	Đề cương tổng quát	Đề cương	1 000	1	1 000
2	Đề cương chi tiết	Đề cương	3 000	1	3 000
3	Chi lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu	1 000	1	1 000
<b>II</b>	<b>Họp nghiệp vụ lấy ý kiến về phương án điều tra, phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra</b>	<b>Lần</b>			<b>18 900</b>
1	Người chủ trì	người	200	2	400
2	Thư ký hội thảo	người	150	2	300
3	Đại biểu được mời	người	70	100	7 000
4	Phản biện	Người	400	2	800
5	Ủy viên hội đồng	Người	250	8	2 000
6	Chi in ấn tài liệu họp	bộ	40	120	4 800
7	Nước	người	30	120	3 600
<b>III</b>	<b>Hội thảo, tập huấn nghiệp vụ</b>				<b>85 400</b>
	Tập huấn nghiệp vụ điều tra (2 lớp*1 ngày)				
	Tổng số người: 142/2 lớp				
1	Thuê hội trường	Hội trường	10 000	2	20 000
2	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	70	142	9 940
3	Chuyên gia giảng dạy (4 người * 2 ngày * 2 lớp)	Ngày	400	4	3 200
4	Nước	Người/ngày	30	142	4 260
5	Vé máy bay khứ hồi (Hà Nội - Tp Hồ Chí Minh)	Người	4 000	8	32 000
6	Công tác phí (8 người * 2 ngày)	Người	150	8	4 800
7	Thuê phòng khách sạn (8 người * 2 ngày)	Người	350	8	11 200
<b>IV</b>	<b>Triển khai điều tra</b>				<b>265 380</b>
1	Tài liệu điều tra	Bộ	70	500	35 000
2	Chi vận chuyển tài liệu	Chuyến	200	63	12 600
3	Thuê xe cán bộ, điều tra viên thực địa 63 tỉnh * 400km/tỉnh	Km	6	25 200	151 200
4	Công điều tra viên: 63 tỉnh x 2 người x 5 công	công	66	630	41 580
5	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin (500 đơn vị-huyện)	đơn vị	50	500	25 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
<b>V</b>	<b>Xử lý kết quả điều tra</b>				<b>114 400</b>
1	Phần mềm xử lý dữ liệu điều tra chợ	Bộ	100 000	1	100 000
2	Nhập số liệu	Ngày công	100	10	1 000
3	Tổng hợp số liệu	Ngày công	100	10	1 000
4	Thuê chuyên gia phân tích	Báo cáo	400	1	400
5	Viết báo cáo kết quả điều tra	Báo cáo	12 000	1	12 000
<b>VI</b>	<b>Công bố kết quả điều tra</b>				<b>31 000</b>
	Tổng số người: 100				
	Thuê hội trường	Hội trường	10 000	1	10 000
	Xuất bản ấn phẩm kết quả điều tra	Cuốn	100	100	10 000
	Nước	Người	30	100	3 000
	Tài liệu	Người	50	100	5 000
	Văn phòng phẩm, khác				3 000
<b>VII</b>	<b>Chi khác cho cuộc điều tra</b>				<b>20 000</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>540 080</b>

*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi triệu không trăm tám mươi nghìn đồng.*



**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 6**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP ỨNG DỤNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2013**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:      /QĐ- BCT ngày      tháng      năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
<b>I</b>	<b>Soạn thảo phương án điều tra</b>				<b>10 000</b>
	Đề cương chi tiết	Đề cương	3 000	1	3 000
	Mẫu phiếu điều tra	Mẫu	1 000	1	1 000
	Hội thảo xin ý kiến	Hội thảo	6 000	1	6 000
<b>II</b>	<b>Chi tập huấn công tác điều tra</b>				<b>84 000</b>
1	Miền Bắc				6 900
	Xe ô tô	Người	200	3	600
	Lưu trú (3 người x 3 ngày)	Phòng	350	9	3 150
	Công tác phí (3 người x 3 ngày)	Người/ngày	150	9	1 350
	Giảng viên	Người/ngày	300	6	1 800
2	Trung du, miền núi phía Bắc				6 300
	Xe ô tô	Người	300	3	900
	Lưu trú (3 người x 3 ngày)	Phòng	250	9	2 250
	Công tác phí (3 người x 3 ngày)	Người/ngày	150	9	1 350
	Giảng viên	Người/ngày	300	6	1 800
3	Bắc Trung Bộ				16 800
	Vé máy bay	Người	3500	3	10 500
	Lưu trú (3 người x 3 ngày)	Phòng	350	9	3 150
	Công tác phí (3 người x 3 ngày)	Người/ngày	150	9	1 350
	Giảng viên	Người/ngày	300	6	1 800
4	Tây Nguyên				17 400
	Vé máy bay	Người	4000	3	12 000
	Lưu trú (3 người x 3 ngày)	Phòng	250	9	2 250
	Công tác phí (3 người x 3 ngày)	Người/ngày	150	9	1 350
	Giảng viên	Người/ngày	300	6	1 800
5	Đông Nam Bộ				18 300
	Vé máy bay	Người	4000	3	12 000



TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
	Lưu trú (3 người x 3 ngày)	Phòng	350	9	3 150
	Công tác phí (3 người x 3 ngày)	Người/ngày	150	9	1 350
	Giảng viên	Người/ngày	300	6	1 800
6	Đồng bằng sông Cửu Long				18 300
	Vé máy bay	Người	4 000	3	12 000
	Lưu trú (3 người x 3 ngày)	Phòng	350	9	3 150
	Công tác phí (3 người x 3 ngày)	Người/ngày	150	9	1 350
	Giảng viên	Người/ngày	300	6	1 800
III	Chi công điều tra				950 000
	Doanh nghiệp cung cấp thông tin	Phiếu	70	10 000	700 000
	Điều tra viên (3 phiếu/ngày)	Ngày	66	3 330	220 000
	Giám sát viên theo hợp đồng				30 000
IV	Nhập số liệu, phân tích và xử lý số liệu				340 000
	Vận chuyển tài liệu				20 000
	Nhập dữ liệu (10.000 phiếu x 80 trường/phiếu)	Trường	0,25	800 000	200 000
	Thiết kế phần mềm, cơ sở dữ liệu				50 000
	Phân tích và xử lý số liệu				70 000
V	Báo cáo tổng hợp số liệu	Báo cáo	12 000	1	12 000
VI	In ấn				13 000
	Tài liệu hướng dẫn	Bộ	30	100	3 000
	Phiếu điều tra	Phiếu	1	10 000	10 000
VII	Dự phòng chi khác				50 000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1 459 000</b>

**Bảng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu đồng.**

**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 7**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA CÁC CHỈ TIÊU VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2013**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng phương án điều tra</b>				<b>3 000</b>
1	Xây dựng đề cương tổng quát	Đề cương	1 000	1	1 000
2	Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	3 000	1	2 000
<b>II</b>	<b>Chi lập mẫu phiếu điều tra</b>	<b>Phiếu</b>	<b>1 000</b>	<b>5</b>	<b>5 000</b>
<b>III</b>	<b>Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia nghiệm thu về phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra</b>				<b>3 100</b>
1	Người chủ trì	Buổi	200	1	200
2	Thư ký hội thảo	Buổi	150	1	150
3	Đại biểu	Người	70	15	1 050
4	Nhận xét của phản biện	Người	400	3	1 200
5	Nhận xét của uỷ viên hội đồng	Người	250	2	500
<b>IV</b>	<b>In ấn tài liệu</b>				<b>77 250</b>
1	Tài liệu hướng dẫn (63 tỉnh x 10 người)(dự trừ 315)	Bộ	10	945	9 450
2	Phiếu điều tra	Bộ	25	945	23 625
3	Biểu mẫu phục vụ điều tra	Bộ	15	945	14 175
4	Xuất bản ấn phẩm kết quả điều tra	Bộ	100	300	30 000
<b>V</b>	<b>Chi công tác phí và tập huấn nghiệp vụ điều tra</b>				<b>112 900</b>
1	Công tác phí cho cán bộ tham gia điều tra (63 tỉnh x 2 ngày x 3 người)	Ngày	150	378	56 700
2	Tập huấn nghiệp vụ kỹ năng điều tra				56 200
*	Tại Hà Nội				16 100
	Hội trường	Ngày	10 000	1	10 000
	Thuê máy móc, thiết bị	Ngày	2 000	1	2 000
	Thuê giảng viên Tổng cục thống kê	Ngày	500	2	1 000
	Nước uống (70 người)	Người	15	140	2 100
	Thuê khác				1 000
*	Tại TP.HCM				40 100
	Hội trường	Ngày	10 000	1	10 000
	Thuê máy móc, thiết bị	Ngày	2 000	1	2 000
	Thuê giảng viên	Ngày	500	2	1 000

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
	Nước uống (70 người)	Người	15	140	2 100
	Tiền vé máy bay, tàu xe		4	5 400	21 600
	Tiền chỗ nghỉ, công tác phí (4 người)	Người	600	4	2 400
	Thuê khác				1 000
<b>VI</b>	<b>Chi phí vận chuyển tài liệu điều tra, thuê xe cho cán bộ điều tra</b>				<b>261 600</b>
1	Chi vận chuyển tài liệu	Chuyến	300	63	18 900
2	Chi thuê xe ô tô cho điều tra viên thực địa (63 tỉnh x 200 km/tỉnh)	Km	6	12 600	75 600
3	Chi cho giám sát điều tra				167 100
	Chi vé máy bay cho cán bộ đi giám sát (8 chuyến khứ hồi x 2 người)	Người	4 100	16	65 600
	Thuê xe đi giám sát các tỉnh (17tỉnh x 2 ngày)	Ngày	1 000	34	34 000
	Công tác phí, chỗ nghỉ (3 người x 25 tỉnh x 2 ngày/tỉnh)	Người	450	150	67 500
<b>VII</b>	<b>Chi cho đối tượng cung cấp thông tin</b>				<b>22 050</b>
1	Chi cho cá nhân (10 người x 63 tỉnh)	Người	30	630	18 900
2	Chi cho tổ chức	Tỉnh	50	63	3 150
<b>VIII</b>	<b>Chi xử lý kết quả điều tra</b>				<b>85 000</b>
1	Phần mềm xử lý	Bộ	65 000	1	65 000
2	Nhập số liệu	Công	100	100	10 000
3	Tổng hợp số liệu	Công	100	100	10 000
<b>IX</b>	<b>Thuê chuyên gia phân tích</b>	<b>Chuyên đề</b>	<b>400</b>	<b>3</b>	<b>1 200</b>
<b>X</b>	<b>Viết báo cáo kết quả điều tra</b>	<b>Chuyên đề</b>	<b>3 000</b>	<b>1</b>	<b>3 000</b>
<b>XI</b>	<b>Công bố kết quả điều tra</b>				<b>15 100</b>
	Tổ chức công bố tại Hà Nội: 100 người				
1	Hội trường	Ngày	10 000	1	10 000
2	Thuê máy chiếu, màn chiếu,	Ngày	2 000	1	2 000
3	Nước uống giữa giờ	Người	15	2	2 100
4	Thuê mướn khác				1 000
	<b>Tổng cộng</b>				<b>589 200</b>

**Bảng chữ: Năm trăm tám mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng.**

**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 8**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT**  
**TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH CÔNG THƯƠNG**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CỤC KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP -**  
**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2012**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
1	Đề cương chi tiết xây dựng phương án điều tra	Đề cương	3 000	1	3 000
2	Chi soạn mẫu phiếu điều tra	mẫu phiếu	500	2	1 000
3	Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia cho mẫu phiếu điều tra	Buổi	3 000	2	6 000
4	Chi công điều tra cho các Sở CT, TH, TCT để điều tra	Công	60	700	42 000
5	Chi lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải (rắn, lỏng, khí)	Mẫu	2000	65	130 000
6	Chi phí đi lại (vé máy bay, tàu, thuê ô tô)				50 000
7	Chi công tác phí cho 4 người trong 20 ngày đêm	ngày đêm	150	80	12 000
8	Chi phí khách sạn cho 4 người trong 20 ngày đêm	Phòng/ngày	550	40	22 000
9	Tổ chức tập huấn điều tra tại 3 miền Bắc Trung, Nam	Lớp	30 000	3	90 000
10	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin	Phiếu	50	2 500	125 000
11	Văn phòng phẩm				14 400
12	In ấn tài liệu hướng dẫn, phiếu điều tra, kết quả điều tra				40 000
13	Xây dựng cơ sở dữ liệu	Phần mềm			30 000
14	Nhập dữ liệu điều tra	Công	60	700	42 000
15	Báo cáo đánh giá kết quả điều tra	Báo cáo	400	3	1 200
16	Báo cáo tóm tắt, tổng kết	Báo cáo	12000	1	12 000
17	Hội thảo nghiệm thu	Buổi	3 000	2	6 000
18	Chi khác				-
	<b>Tổng cộng</b>				<b>626 600</b>

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn.



**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 9**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐIỀU TRA KHẢO SÁT THỰC TRẠNG**  
**ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: CỤC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG- BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2012**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /QĐ- BCT ngày    tháng    năm 2011 của Bộ Công Thương)

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng phương án điều tra</b>				<b>4 000</b>
1	Đề cương tổng quát	Đề cương	1 000	1	1 000
2	Đề cương chi tiết	Đề cương	3 000	1	3 000
<b>II</b>	<b>Lập mẫu phiếu điều tra</b>	<b>Phiếu</b>	<b>500</b>	<b>3</b>	<b>1 500</b>
<b>III</b>	<b>Hội thảo nghiệp vụ</b>				<b>39 410</b>
1	Thuê hội trường	Ngày	15 000	1	15 000
2	Nước uống đại biểu	Người	30	50	1 500
3	Thuê xe đưa đón đại biểu	Xe	3 000	2	6 000
4	Tài liệu, thiết bị văn phòng phẩm	Người	50	135	6 750
5	Hỗ trợ tiền ăn, nghỉ đại biểu không hưởng lương	Người	500	15	7 500
6	Chủ trì hội thảo	Ngày	200	1	200
7	Thư ký hội thảo	Ngày	150	1	150
8	Đại biểu được mời tham dự Hội thảo	Người	70	33	2 310
<b>IV</b>	<b>Tập huấn nghiệp vụ điều tra (3 Hội nghị x 2 ngày x 200 đại biểu)</b>				<b>653 560</b>
1	Thuê hội trường	Ngày	15 000	6	90 000
2	Vé máy bay đi Hội nghị tại miền Nam	Người	4 088	10	40 880
3	Vé máy bay đi Hội nghị tại miền Trung	Người	4 088	10	40 880
4	Thuê xe đưa đón đại biểu (4 xe/hội nghị x 2 ngày x 3 hội nghị)		3 000	24	72 000
5	Chi phí giảng viên ( 2 buổi x 2 ngày x 3 Hội nghị)		400	12	4 800
6	Chi công tác phí (10 người x 4 ngày/hội nghị x 2 hội nghị)		150	80	12 000
7	Tiền lưu trú (10 người x 3 đêm x 2 hội nghị)		250	60	15 000
8	Tiền nước uống đại biểu	Người	30	600	18 000
9	Tài liệu, thiết bị văn phòng phẩm	Bộ	100	600	60 000
10	Hỗ trợ tiền ăn, nghỉ đại biểu không hưởng lương (100 người /HN x 3 hội nghị x 2 ngày)	Người	500	600	300 000
<b>V</b>	<b>Chi in ấn tài liệu điều tra</b>	<b>Bộ</b>	<b>10</b>	<b>10000</b>	<b>100 000</b>
<b>VI</b>	<b>Chi công điều tra viên (63 tỉnh x 12 người x 7 ngày)</b>	<b>Ngày</b>	<b>50</b>	<b>5292</b>	<b>264 600</b>

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ TÍNH	ĐƠN GIÁ (1.000VNĐ)	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1.000VNĐ)
<b>VII</b>	<b>Chi phí giám sát điều tra</b>				<b>92 130</b>
1	Thuê xe đi một số tỉnh miền Bắc (5 ngày)	Ngày	5 000	5	25 000
2	Vé máy bay đi miền Nam	Vé	4 088	5	20 440
3	Vé máy bay đi miền Trung	Vé	4 088	5	20 440
4	Công tác phí (mỗi khu vực 5 người x 3 khu vực x 5 ngày )		150	75	11 250
5	Tiền nghỉ ( 5 người x 3 khu vực x 4 đêm)		250	60	15 000
<b>VIII</b>	<b>Chi cho đối tượng cung cấp thông tin</b>	<b>Người</b>	<b>50</b>	<b>10000</b>	<b>500 000</b>
<b>IX</b>	<b>Vận chuyển tài liệu, nhập tin, phân tích, xử lý số liệu, báo cáo phân tích xử lý số liệu</b>				<b>110 800</b>
1	Vận chuyển phiếu	Tỉnh	340	63	21 400
2	Nhập tin điều tra	Phiếu	1	10000	10 000
3	Thiết kế phần mềm cơ sở, lưu trữ dữ liệu	Bộ CSDL	50 000	1	50 000
4	Tổng hợp số liệu điều tra (10 người, tổng hợp 15 ngày)	Ngày	185	150	28 200
5	Báo cáo phân tích, xử lý số liệu	Báo cáo	400	3	1 200
<b>X</b>	<b>Viết báo cáo tổng hợp số liệu</b>				<b>12 000</b>
<b>XI</b>	<b>Chi tổ chức Hội nghị họp báo công bố thông tin</b>				<b>34 000</b>
1	Thuê Hội trường	Ngày	15 000	1	15 000
2	Nước uống đại biểu	Người	30	100	3 000
3	Tài liệu, văn phòng phẩm	Người	100	100	10 000
4	Thuê xe đưa đón đại biểu	Xe	3 000	2	6 000
<b>XII</b>	<b>Chi in kết quả điều tra, ấn phẩm điều tra</b>	<b>Bộ</b>	<b>160</b>	<b>300</b>	<b>48 000</b>
<b>XIII</b>	<b>Chi khác (làm thêm giờ, văn phòng phẩm, điện thoại, thông in tuyên truyền, ...)</b>				<b>20 000</b>
	<b>Tổng cộng</b>				<b>1 880 000</b>

Bằng chữ: Một tỷ tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn.



**DỰ TOÁN CHUYÊN ĐỀ 10**  
**HỘI NGHỊ TỔNG KẾT TOÀN BỘ ĐỀ ÁN**  
**ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: VỤ KẾ HOẠCH - BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NĂM 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ- BCT ngày tháng năm 2011 của Bộ Công Thương)*

TT	NỘI DUNG CHI	ĐƠN VỊ	ĐƠN GIÁ (1000VNĐ)	KHỐI LƯỢNG	THÀNH TIỀN (1000 VNĐ)
	<b>Hội nghị tổng kết toàn bộ Đề án tại Hà Nội</b> <b>Số lượng: 500 người</b>				
1	Thuê hội trường	Hội trường	20 000	1	20 000
2	Thuê thiết bị	Ngày	2 000	1	2 000
3	Tài liệu, văn phòng phẩm	Bộ	100	500	50 000
4	Báo cáo viên (4 người)	Ngày	400	2	3 200
5	Nước uống cho đại biểu	Người/ngày	30	500	3 640
	<b>Tổng cộng</b>				<b>78 840</b>

*Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng.*

